

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09- 01- 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tác và bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 581/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 483/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/11/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 300/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2024 và thông báo dời ngày xét xử số 312/TB-TA ngày 24/12/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Lê Thị Bích H, sinh năm 1985, nơi cư trú: tổ C, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (**yêu cầu vắng mặt**).

- **Bị đơn:** anh Thái Phú C, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (**vắng mặt**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, B tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Chị H và anh Thái Phú C là vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (Giấy kết hôn số 32 ngày 24/4/2007). Quá trình chung sống không hạnh phúc, do chị H mâu thuẫn với cha ruột của anh C, anh C nghe lời gia đình không bên vực chị vì vậy vợ chồng thường xuyên cự cãi, đã ly thân từ năm 2009 đến nay. Do tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung tên Thái Thị Ngọc N, sinh ngày 28/10/2007, anh C đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Đồng ý cho anh C tiếp tục nuôi con chung, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được chị La Thị Cẩm N1 (chị dâu của chị H) cho biết: Vợ chồng H- Cày không còn chung sống, ly thân từ năm 2009 đến nay, chị biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng H chủ yếu là do cha của C khó khăn với dâu, khi H bị cha chồng đuổi ra khỏi nhà thì H về nhà cha mẹ ruột sống, C cũng không đến hàn gắn. Vợ chồng H – Cày có 01 con chung tên Thái Thị Ngọc N, sinh ngày 28/10/2007 đang sống với gia đình C, khi ly thân thì cha ruột của C không cho H dẫn theo con.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Bích H được ly hôn với anh Thái Phú C. Về con chung: giao con chung Thái Thị Ngọc N, sinh ngày 28/10/2007 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chia tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện P nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Chị H và anh C là vợ chồng có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do chị H mâu thuẫn với gia đình anh C, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, không còn sống chung từ năm 2009 đến nay. Tòa án

đã triệu tập anh C để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh không đến, chị H cương quyết ly hôn, do đó chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Vợ chồng chị H – anh C có một con chung tên Thái Thị Ngọc N, sinh ngày 28/10/2007 do anh C đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh C vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến về việc nuôi con, cũng như có yêu cầu cấp dưỡng hay không, đồng thời không ghi nhận được nguyện vọng của con chung. Chị H đồng ý cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng con chung, vì vậy để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần tiếp tục giao cháu N cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H khai không có nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị H, anh C phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích H.

1. Về hôn nhân: chị Lê Thị Bích H được ly hôn với anh Thái Phú C.
2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thái Thị Ngọc N, sinh ngày 28/10/2007 do anh C đang nuôi dưỡng.

Giao anh Thái Phú C trực tiếp nuôi dạy con chung tên Thái Thị Ngọc N đến khi thành niên và tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị H và anh C phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Bích H phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011478 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Thái Phú C không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Tác Nguyễn Thị Kim C1

Nguyễn Thị N2